

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ DATA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ DATA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DATA MECHANICS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DATA ME CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107600024

3. Ngày thành lập: 15/10/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 513 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01673115883

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
7.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
8.	Sản xuất đồng hồ	2652
9.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
10.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
11.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
12.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
13.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
14.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
15.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
16.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
17.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
18.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
19.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
20.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812

21.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
22.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
23.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
24.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
25.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
26.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
27.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
28.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
29.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
30.	Sản xuất máy luyện kim	2823
31.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
32.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
33.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
34.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
35.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
36.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
37.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
38.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ loại cấm)	2420
39.	Đúc kim loại màu	2432
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
42.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
43.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
44.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
46.	Bốc xếp hàng hóa	5224
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ loại cấm)	4662
48.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
49.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ loại cấm)	4669
50.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.	4690
51.	Lập trình máy vi tính	6201
52.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

53.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
54.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
55.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
56.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
57.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
58.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
59.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
60.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
61.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
62.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
63.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
64.	Tái chế phế liệu	3830
65.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
66.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại cầm)	4620
67.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
68.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
69.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
70.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
72.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
73.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, theo tuyến cố định	4932
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng nhà nước cấm) (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
76.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
77.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
78.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
79.	Cho thuê xe có động cơ	7710

80.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
81.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THẾ VIỆT	Số nhà 29 đường Lương Thế Vinh, Thị trấn Gôi, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	162584624	
2	PHÙNG VĂN QUANG	Thôn Điểm Ba, Xã Sơn Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	111727583	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THẾ VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/02/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162584624

Ngày cấp: 18/11/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 29 đường Lương Thế Vinh, Thị trấn Gôi, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 513 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội